|  |  |
| --- | --- |
| ỦY BAN NHÂN DÂNTỈNH ĐỒNG NAI | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**QUY ĐỊNH**

**Về quản lý hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài và việc sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài**

**trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /2022/QĐ-UBND*

*ngày tháng năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy định này quy định quản lý hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn tỉnh và việc quản lý, sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho các cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh Đồng Nai nhằm mục đích phát triển kinh tế xã hội, hỗ trợ nhân đạo, không vì mục đích lợi nhuận, thương mại.

2. Các trường hợp không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định:

a) Các khoản viện trợ không hoàn lại của các cơ quan, tổ chức nước ngoài mà việc tiếp nhận phải được ký kết chính thức theo quy định của Luật Điều ước quốc tế và các khoản viện trợ không hoàn lại trong các thỏa thuận về vốn ODA phải được ký kết nhân danh Nhà nước hoặc Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

b) Các khoản quà biếu, quà tặng cho cơ quan, tổ chức không vì mục đích hỗ trợ nhân đạo, từ thiện.

c) Các khoản tài trợ theo các hình thức thỏa thuận hợp tác, hợp đồng dịch vụ, hợp đồng chuyển giao công nghệ có phát sinh lợi nhuận để phân chia.

d) Các cá nhân tiếp nhận tài trợ cho hoạt động nghiên cứu khoa học thực hiện theo Luật Khoa học Công nghệ số 29/2013/QH13.

đ) Viện trợ quốc tế khẩn cấp của Chính phủ, tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ nước ngoài, cá nhân nước ngoài để cứu trợ được phê duyệt và thực hiện trong thời gian 03 tháng kể từ khi xảy ra thiên tai và viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Quy định áp dụng đối với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài hoạt động trên địa bàn tỉnh; các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức (sau đây gọi tắt là viện trợ) trên địa bàn tỉnh.

2. Bên cung cấp viện trợ là các tổ chức, cá nhân nước ngoài có thiện chí, tôn trọng và chấp hành luật pháp Việt Nam, bao gồm:

a) Các tổ chức phi chính phủ nước ngoài, tổ chức phi lợi nhuận, các quỹ xã hội, quỹ tư nhân được thành lập theo luật pháp nước ngoài.

b) Các cá nhân nước ngoài, bao gồm cả người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

c) Các doanh nghiệp, công ty được thành lập theo luật pháp nước ngoài, không bao gồm các tổ chức kinh tế có vốn nước ngoài hoạt động tại Việt Nam theo quy định của Luật Đầu tư.

d) Các tổ chức nghiên cứu và đào tạo được thành lập theo luật pháp nước ngoài (bao gồm cả các viện nghiên cứu, tổ chức hợp tác thuộc chính phủ nước ngoài).

đ) Các bộ, cơ quan, tổ chức thuộc chính phủ nước ngoài, cơ quan đại diện ngoại giao của các nước tại Việt Nam trực tiếp cung cấp khoản viện trợ, hoặc ủy quyền cho các tổ chức pháp nhân nước ngoài quản lý các khoản viện trợ mà việc tiếp nhận và thực hiện khoản viện trợ không yêu cầu phải ký kết chính thức theo quy định của Luật Điều ước quốc tế hoặc không yêu cầu bên Việt Nam ký kết nhân danh Nhà nước hoặc Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

3. Bên tiếp nhận viện trợ là các cơ quan, tổ chức trực thuộc UBND tỉnh, có chức năng, nhiệm vụ và hoạt động phù hợp với mục tiêu và nội dung của các khoản viện trợ gồm:

a) Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí toàn bộ hoặc một phần kinh phí hoạt động.

b) Các tổ chức chính trị - xã hội, chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ và quỹ xã hội, quỹ từ thiện do Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập.

c) Doanh nghiệp xã hội đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh tiếp nhận viện trợ để thực hiện mục tiêu giải quyết các vấn đề xã hội, môi trường.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

1. “Tổ chức phi chính phủ nước ngoài” là tổ chức phi lợi nhuận, quỹ xã hội, quỹ tư nhân được thành lập theo pháp luật nước ngoài; có nguồn vốn hợp pháp từ nước ngoài; hoạt động hỗ trợ phát triển, viện trợ nhân đạo tại Việt Nam không vì mục đích lợi nhuận và các mục đích khác; không quyên góp tài chính, vận động tài trợ, gây quỹ từ các tổ chức, cá nhân Việt Nam.

2. “Ban quản lý chương trình, dự án” (sau đây gọi là “Ban quản lý dự án”) là tổ chức được thành lập để giúp chủ khoản viện trợ, chủ dự án quản lý thực hiện một hoặc một số chương trình, dự án.

3. Các phương thức viện trợ bao gồm: chương trình, dự án, phi dự án, trong đó:

a) “Chương trình” là tập hợp các hoạt động liên quan đến một hoặc nhiều ngành, lĩnh vực, nhiều vùng lãnh thổ, nhiều chủ thể khác nhau nhằm đạt được một hoặc một số mục tiêu xác định, được thực hiện trong một hoặc nhiều giai đoạn.

b) “Dự án” là tập hợp các hoạt động có liên quan đến nhau nhằm đạt được một hoặc một số mục tiêu, được thực hiện trên địa bàn cụ thể, trong khoảng thời gian xác định, dựa trên nguồn lực xác định.

c) “Phi dự án” là khoản viện trợ thực hiện một lần, riêng lẻ bằng tiền, hiện vật, hàng hoá, chuyên gia (kể cả chuyên gia tình nguyện), cung cấp các đầu vào để tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn, nghiên cứu, khảo sát, đào tạo.

4. “Cơ quan chủ quản” là Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

5. “Chủ khoản viện trợ” là đơn vị được giao trách nhiệm quản lý, thực hiện khoản viện trợ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Chủ khoản viện trợ được gọi là “Chủ Dự án” trong trường hợp khoản viện trợ thực hiện theo phương thức chương trình, dự án.

5. “Khoản viện trợ” là hỗ trợ tài chính hoặc hàng hóa và dịch vụ không phải hoàn lại mà Bên cung cấp viện trợ dành cho Bên tiếp nhận viện trợ để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và nhân đạo, không nhằm mục đích thương mại, lợi nhuận.

6. “Văn kiện chương trình, dự án” là tài liệu chính thức thể hiện cam kết giữa Bên cung cấp viện trợ và Bên tiếp nhận viện trợ về một chương trình, dự án cụ thể, trong đó xác định rõ: mục tiêu, các hoạt động, kết quả cần đạt được, nguồn lực được sử dụng, thời gian và kế hoạch thực hiện, tổ chức quản lý thực hiện chương trình, dự án, nghĩa vụ, quyền lợi của các bên liên quan.

7. “Viện trợ khắc phục hậu quả” bao gồm:

a) Các khoản cứu trợ khẩn cấp, các khoản viện trợ có mục đích khắc phục hậu quả của các trường hợp khẩn cấp (không bao gồm các khoản viện trợ quốc tế nêu tại điểm đ khoản 2 Điều 1 Quy định này).

b) Các khoản cứu trợ sau thời gian 03 tháng kể từ khi xảy ra thiên tai, các khoản viện trợ khắc phục hậu quả thiên tai được thực hiện sau 09 tháng kể từ khi xảy ra thiên tai.

8. “Viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước” là các khoản viện trợ nếu bên tiếp nhận là các cơ quan, tổ chức:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh và các pháp nhân trực thuộc.

b) Các doanh nghiệp thuộc tỉnh sở hữu 100% vốn điều lệ nhà nước.

c) Các đối tượng khác thuộc phạm vi quản lý thu, chi theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

9. “Vốn đối ứng” là khoản vốn đóng góp của phía Việt Nam (bằng hiện vật hoặc tiền) để tiếp nhận và thực hiện khoản viện trợ. Vốn đối ứng được bố trí từ nguồn ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, chủ khoản viện trợ tự bố trí, vốn đóng góp của đối tượng thụ hưởng và các nguồn vốn hợp pháp khác. Vốn đối ứng được sử dụng cho quá trình chuẩn bị và thực hiện các khoản viện trợ theo yêu cầu cụ thể của chương trình, dự án.

**Điều 4. Nguyên tắc quản lý hoạt động, vận động, sử dụng viện trợ**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai thống nhất quản lý hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài; vận động, sử dụng viện trợ trên địa bàn tỉnh trên cơ sở công khai, minh bạch phù hợp với đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước, phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đồng thời đảm bảo an ninh chính trị và chủ quyền Quốc gia.

2. Bảo đảm hoạt động của bên cung cấp viện trợ phù hợp với lợi ích Quốc gia về kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh - quốc phòng và chính sách đại đoàn kết dân tộc, không xâm hại đạo đức xã hội, thuần phong, mỹ tục, truyền thống và bản sắc dân tộc; không trái với quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước Quốc tế mà Việt Nam tham gia hoặc là thành viên.

3. Chủ động định hướng, đề ra kế hoạch để tranh thủ nguồn viện trợ trong từng thời kỳ, từng khu vực gắn với thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng và đối ngoại của địa phương.

4. Nghiêm cấm mọi hoạt động tiếp nhận, sử dụng các khoản viện trợ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài khi chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt và ý kiến chấp thuận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Không tiếp nhận những khoản viện trợ gây ảnh hưởng đến an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, xâm hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân và không phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Đồng Nai.

6. Chủ khoản viện trợ, đơn vị tiếp nhận viện trợ có trách nhiệm triển khai thực hiện khoản viện trợ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt đảm bảo đúng thquy định và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan thanh tra, kiểm tra liên quan trong quản lý, vận động, tiếp nhận và sử dụng hiệu quả khoản viện trợ.

**Chương II**

**QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TỔ CHỨC PHI CHÍNH PHỦ NƯỚC NGOÀI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

**Điều 5. Cơ quan chủ trì quản lý các tổ chức phi chính phủ nước ngoài**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý Nhà nước đối với mọi hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn tỉnh; Phối hợp thẩm định về hồ sơ cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp lại và trong việc đình chỉ, chấm dứt hoạt động và thu hồi Giấy đăng ký của tổ chức phi chính phủ nước ngoài khi được yêu cầu; Phối hợp trong thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm đối với hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại địa phương và theo quy định của pháp luật Việt Nam; Phối hợp trong xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu về các tổ chức phi chính phủ nước ngoài.

2. Sở Ngoại vụ là cơ quan đầu mối tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trong quản lý Nhà nước về hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước trên địa bàn tỉnh.

3. Các cơ quan, đơn vị phối hợp quản lý hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài gồm: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh, Công an tỉnh, Sở Tài chính, Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị, địa phương có Tổ chức phi chính phủ nước ngoài hoạt động.

**Chương III**

**VẬN ĐỘNG, ĐÀM PHÁN VÀ KÝ KẾT CÁC KHOẢN VIỆN TRỢ NƯỚC NGOÀI**

**Điều 6. Cơ quan chủ trì vận động viện trợ**

Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh là cơ quan đầu mối trong việc phát triển quan hệ và vận động viện trợ.

**Điều 7. Vận động viện trợ**

1. Hàng năm trước 30/9, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh chủ trì phối hợp với Sở Ngoại vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng danh mục, định hướng vận động nguồn viện trợ phù hợp với chủ trương phát triển ngành, địa phương.

2. Trước 30/10 hàng năm, các cơ quan, địa phương căn cứ vào danh mục, định hướng vận động nguồn viện trợ của Ủy ban nhân dân tỉnh, xác định và lập các dự án vận động nguồn viện trợ của đơn vị, gửi về Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh.

3. Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh tổng hợp danh mục dự án vận động vốn viện trợ từ các đơn vị, chủ trì phối hợp với Sở Ngoại vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các ban, ngành liên quan thống nhất trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định ban hành danh mục các dự án vận động viện trợ của tỉnh trước ngày 15/11 hàng năm.

4. Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan liên quan tiếp xúc và vận động các cơ quan, tổ chức nước ngoài trên cơ sở danh mục dự án vận động viện trợ đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

5. Đối với các hoạt động vận động cứu trợ khẩn cấp, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh phối hợp với Ủy ban Mặt trận tổ quốc, Công an tỉnh và địa phương có thiên tai căn cứ vào mức độ thiệt hại cụ thể về người, tài sản, có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để kêu gọi viện trợ khẩn cấp.

6. Ủy ban nhân dân tỉnh khuyến khích các cơ quan, đơn vị và cá nhân chủ động tham gia vận động, đàm phán viện trợ đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Vận động viện trợ cần căn cứ theo danh mục các dự án ưu tiên vận động viện trợ hàng năm và năng lực của cơ quan dự kiến tiếp nhận viện trợ.

b) Đối với các dự án ngoài danh mục ưu tiên, cơ quan vận động viện trợ phải báo cáo Ủy ban nhân dân (thông qua Liên hiệp các tổ chức hữu nghị) xem xét, quyết định về nhà tài trợ, dự kiến, mục đích, nội dung chủ yếu của chương trình, dự án dự định kêu gọi, vận động, đàm phán; trường hợp có nhiều cơ quan, tổ chức dự kiến vận động cùng một dự án, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xác định cơ quan chủ trì đầu mối xây dựng dự án và kêu gọi vận động viện trợ.

**Điều 8. Đàm phán, ký kết khoản viện trợ**

1. Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh chủ trì, phối hợp với đơn vị vận động viện trợ và các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện đàm phán các khoản viện trợ.

2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ khi kết thúc đàm phán, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh có văn bản báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Sở Ngoại vụ kết quả đàm phán và xin chủ trương ký kết thỏa thuận viện trợ (nếu đàm phán thành công).

Việc ký kết văn kiện chương trình, dự án hoặc thỏa thuận tiếp nhận viện trợ chỉ được tiến hành sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh đồng ý.

3. Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Ngoại vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn Chủ khoản viện trợ, bên cung cấp viện trợ về nội dung, hình thức, trình tự, thủ tục ký kết các thỏa thuận viện trợ.

**Chương IV**

**THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT, QUẢN LÝ CÁC KHOẢN VIỆN TRỢ**

**Điều 9. Thẩm quyền phê duyệt khoản viện trợ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai**

1. Các khoản viện trợ không quy định tại khoản 1 Điều 7 của Nghị định số 80/2020/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam

2**.** Các khoản việntrợ khắc phục hậu quả được viện trợ trực tiếp cho tỉnh không phụ thuộc vào quy mô khoản viện trợ.

3. Các khoản viện trợ mà bên tiếp nhận là các cơ quan, tổ chức do Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định cho phép thành lập hoặc phê duyệt điều lệ hoặc cấp Giấy đăng ký hoạt động, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của bên tiếp nhận viện trợ, trừ các tổ chức do Bộ Nội vụ ra quyết định thành lập.

**Điều 10. Cơ quan chủ trì thẩm định**

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối tiếp nhận hồ sơ, chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định đối với các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Đối với các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

2. Các đơn vị tham gia thẩm định khoản viện trợ gồm: Sở Ngoại vụ, Sở Tài chính, Công an tỉnh, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh và các cơ quan, đơn vị, địa phương tùy thuộc vào việc liên quan đến khoản viện trợ đó.

**Điều 11. Hồ sơ khoản viện trợ**

Hồ sơ khoản viện trợ được lập thành 6 bộ, các tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải có bản dịch tiếng Việt đã được công chứng kèm theo.

1. Hồ sơ chương trình, dự án gồm các tài liệu sau:

a) Văn bản đề nghị phê duyệt chương trình, dự án;

b) Văn bản nhất trí cung cấp viện trợ của Bên cung cấp viện trợ.

c) Văn kiện chương trình, dự án;

d) Giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân (không áp dụng với trường hợp Bên cung cấp viện trợ là các cơ quan đại diện ngoại giao, các cơ quan thuộc chính phủ, chính quyền địa phương nước ngoài).

Đối với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài đã đăng ký tại Việt Nam: Bản sao Giấy đăng ký do cơ quan nhà nước Việt Nam có thẩm quyền cấp;

Đối với cá nhân cung cấp viện trợ: Bản sao có chứng thực hộ chiếu còn hiệu lực;

Đối với các bên cung cấp viện trợ khác: Bản sao có chứng thực giấy tờ hợp lệ chứng minh địa vị pháp lý của tổ chức.

2. Hồ sơ phi dự án gồm các tài liệu sau:

a) Văn bản đề nghị phê duyệt phi dự án;

b) Văn bản nhất trí cung cấp viện trợ của Bên cung cấp viện trợ;

c) Văn kiện khoản viện trợ phi dự án do chủ khoản viện trợ phối hợp với bên cung cấp viện trợ xây dựng, bao gồm các nội dung chủ yếu: Mục đích, nội dung, danh mục hàng hóa (đối với khoản viện trợ bằng hàng hóa, hiện vật), kết quả dự kiến của khoản viện trợ; thời gian thực hiện; trị giá của khoản viện trợ phi dự án; phương thức tổ chức thực hiện và cơ chế phối hợp trong quá trình thực hiện; nghĩa vụ báo cáo kết quả sau khi tiếp nhận, sử dụng viện trợ;

d) Giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân (không áp dụng với trường hợp Bên cung cấp viện trợ là các cơ quan đại diện ngoại giao, các cơ quan thuộc chính phủ, chính quyền địa phương).

Đối với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài đã đăng ký tại Việt Nam: Bản sao Giấy đăng ký do cơ quan nhà nước Việt Nam có thẩm quyền cấp;

Đối với cá nhân cung cấp viện trợ: Bản sao có chứng thực hộ chiếu còn hiệu lực;

Đối với các bên cung cấp viện trợ khác: Bản sao có chứng thực giấy tờ hợp lệ chứng minh địa vị pháp lý của tổ chức.

đ) Đối với các khoản viện trợ phi dự án thực hiện theo hình thức cung cấp chuyên gia, hồ sơ khoản viện trợ bao gồm: các tài liệu nêu tại các điểm a, b,c, d khoản này; sơ lược lý lịch chuyên gia có cam kết chịu trách nhiệm đối với thông tin cung cấp của chuyên gia; chương trình hoạt động; giấy phép lao động và các giấy tờ pháp lý về hoạt động chuyên môn của chuyên gia theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Văn kiện chương trình, dự án và văn kiện khoản viện trợ phi dự án được lập theo mẫu quy định tại Phụ lục I, II, III của Nghị định số 80/2020/NĐ-CP Nghị định này.

4. Đối với dự án viện trợ có nội dung đầu tư công, đầu tư xây dựng phải được xây dựng theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư công và đầu tư xây dựng công trình.

5. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

**Điều 12. Trình tự và thời hạn thẩm định khoản viện trợ**

1. Tổ chức thẩm định

a) Sau khi nhận đủ số bộ hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi bộ hồ sơ kèm theo văn bản đề nghị góp ý kiến tới thành viên Tổ thẩm định dự án.

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, các đơn vị nghiên cứu nội dung hồ sơ có ý kiến bằng văn bản gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư. Quá thời gian quy định mà đơn vị chưa có ý kiến xem như thống nhất, quá trình thực hiện có phát sinh vấn đề liên quan thì đơn vị đó hoàn toàn chịu trách nhiệm.

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Trường hợp ý kiến các đơn vị chưa có sự thống nhất, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức họp mời các đơn vị liên quan thống nhất nội dung báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh. Thời gian tổ chức họp sau thời điểm lấy ý kiến tối đa là 10 ngày làm việc.

2. Phê duyệt các khoản viện trợ

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt hoặc không phê duyệt khoản viện trợ.

3. Thông báo kết quả phê duyệt

Trong thời hạn 10 ngày làm việc sau khi khoản viện trợ được phê duyệt, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm gửi quyết định phê duyệt kèm theo văn kiện, chương trình dự án, thỏa thuận viện trợ cụ thể, hồ sơ viện trợ phi dự án về Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Ủy ban công tác về các Tổ chức phi chính phủ nước ngoài, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam, các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Ngoại vụ, Tài chính, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh, Chủ khoản viện trợ và các cơ quan liên quan theo quy định.

4. Đối với khoản viện trợ khắc phục hậu quả nhằm xử lý các tình huống khẩn cấp, Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt mà khôn cần lấy ý kiến thẩm định của các cơ quan liên quan.

**Điều 13. Điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Chương trình, dự án trong quá trình thực hiện**

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận hồ sơ điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Chương trình, dự án viện trợ trong các trường hợp sau:

a) Các điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung các Chương trình, dự án viện trợ trước đây đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

b) Những điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung không làm cho chương trình, dự án trở thành một trong các trường hợp thuộc quyền xem xét phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ.

2. Hồ sơ điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Chương trình, dự án viện trợ gồm có:

a) Đơn điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung trong đó nêu rõ lý do điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung.

b) Báo cáo tình hình thực hiện dự án từ khi được phê duyệt đến thời điểm nộp hồ sơ điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung.

c) Ý kiến bằng văn bản hoặc thỏa thuận bổ sung của đơn vị sử dụng viện trợ.

d) Các tài liệu khác có liên quan.

đ) Hồ sơ điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung được lập thành 08 bộ tài liệu, trong đó có ít nhất 01 bộ tài liệu gốc.

3. Việc tổ chức thẩm định, trình duyệt thực hiện tương tự như quy định tại Điều 12 Quy định này.

**Điều 14. Tổ chức quản lý chương trình, dự án**

Căn cứ quy mô, tính chất, điều kiện cụ thể thực hiện chương trình, dự án, năng lực tổ chức quản lý chương trình, dự án, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định áp dụng một trong các hình thức tổ chức quản lý chương trình, dự án sau:

1. Sử dụng bộ máy chuyên môn trực thuộc có đủ điều kiện, năng lực quản lý và thực hiện dự án đối với dự án quy mô dưới 200.000 USD (hai trăm nghìn đô la Mỹ).

2. Sử dụng Ban quản lý đang hoạt động để quản lý chương trình, dự án mới.

3. Thành lập Ban quản lý riêng cho từng chương trình, dự án.

**Chương V**

**TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TỔ CHỨC PHI CHÍNH PHỦ NƯỚC NGOÀI VÀ VIỆC SỬ DỤNG VIỆN TRỢ KHÔNG HOÀN LẠI KHÔNG THUỘC HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CHÍNH THỨC CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI**

**TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI**

**Điều 15. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai**

1. Có trách nhiệm tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt các vấn đề liên quan đến công tác quản lý hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài và việc sử dụng các khoản viện trợ trên địa bàn tỉnh.

2. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trong công tác giao nhiệm vụ các sở, ban, ngành, cơ quan cho đúng và phù hợp với từng chức năng, quyền hạn của đơn vị đó.

**Điều 16. Sở Ngoại vụ**

1. Là cơ quan đầu mối phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh về quản lý Nhà nước đối với hoạt động của các Tổ chức phi chính phủ nước ngoài; đề xuất ý kiến về việc cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, thu hồi Giấy đăng ký hoạt động/Giấy đăng ký lập Văn phòng dự án/Giấy đăng ký lập Văn phòng đại diện cho các tổ chức phi chính phủ nước ngoài hoạt động trên địa bàn tỉnh với Ủy ban công tác về các tổ chức phi chính phủ nước ngoài.

2. Tham mưu đề xuất những chủ trương, chính sách đối ngoại liên quan đến hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác quản lý Nhà nước về hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn tỉnh.

3. Chủ trì soạn thảo, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý và sử dụng viện trợ.

4. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai công tác tuyên truyền, hướng dẫn các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước về công tác phi chính phủ nước ngoài, công tác viện trợ.

5. Phối hợp với Công an tỉnh và các cơ quan chức năng hướng dẫn các cá nhân, tổ chức phi chính phủ nước ngoài các vấn đề liên quan đến thủ tục xuất nhập cảnh, cư trú và giải quyết các vấn đề liên quan theo quy định của pháp luật hiện hành. Tham gia thẩm định các chương trình, dự án vận động viện trợ trên địa bàn tỉnh.

6. Tham gia thẩm định và đóng góp ý kiến đối với các khoản viện trợ PCPNN liên quan đến phạm vi trách nhiệm quản lý của mình.

7. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tiến hành thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài theo quy định tại Nghị định số 17/2014/NĐ-CP ngày 11/3/2014 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra Ngoại giao.

8. Thực hiện các nhiệm vụ có liên quan khác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

**Điều 17. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

1. Chủ trì phối hợp các cơ quan đơn vị liên quan tổ chức thẩm định các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân tỉnh.

2. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính bố trí vốn đối ứng trong kế hoạch ngân sách Nhà nước hàng năm cho các đơn vị thuộc đối tượng được cấp ngân sách để thực hiện các khoản viện trợ đã cam kết với bên tài trợ theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

3. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến với Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định các khoản viện trợ trên địa bàn tỉnh thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ.

4. Tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư việc sử dụng viện trợ trên địa bàn tỉnh theo quy định.

5. Thực hiện các nhiệm vụ có liên quan khác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

**Điều 18. Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh**

Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh là cơ quan đầu mối trong công tác quan hệ và vận động viện trợ, có các nhiệm vụ và quyền hạn sau:

1. Chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan xây dựng định hướng thu hút, vận động nguồn vốn viện trợ và hướng dẫn xây dựng các dự án cần kêu gọi viện trợ, chương trình xúc tiến vận động viện trợ hàng năm trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Nghiên cứu, tập hợp tư liệu về các các cơ quan, tổ chức nước ngoài có khả năng viện trợ để phối hợp với các cơ quan liên quan, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh có chủ trương chỉ đạo, tiến hành việc tiếp xúc, vận động viện trợ.

3. Tiến hành tiếp xúc, vận động viện trợ trên cơ sở các danh mục dự án, chương trình đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

4. Chủ trì, phối hợp Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh tiến hành kêu gọi cứu trợ khẩn cấp của các cơ quan, tổ chức nước ngoài khi gặp thiên tai và trong các trường hợp khẩn thiết theo chủ trương của Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Tham gia thẩm định và đóng góp ý kiến đối với các khoản viện trợ liên quan đến phạm vi trách nhiệm quản lý của mình.

6. Thực hiện các nhiệm vụ có liên quan khác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

**Điều 19. Sở Tài chính**

1. Sở Tài chính là cơ quan tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý Nhà nước về tài chính đối với các Chương trình, dự án viện trợ trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm

a) Hạch toán thu, chi ngân sách đối với các khoản viện trợ theo quy định của pháp luật; hướng dẫn các cơ quan, tổ chức tiếp nhận viện trợ lập dự toán, tổng hợp dự toán, quyết toán ngân sách Nhà nước về viện trợ.

b) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư bố trí vốn đối ứng cho các đơn vị thuộc đối tượng được cấp ngân sách để thực hiện các khoản viện trợ đã cam kết với Bên tài trợ theo quy định.

c) Phối hợp với Sở Ngoại vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan, đơn vị liên quan thanh tra, kiểm tra, phát hiện và xử lý kịp thời theo thẩm quyền hoặc đề xuất xử lý các trường hợp vi phạm chế độ tài chính trong quản lý và sử dụng nguồn viện trợ của các cơ quan, tổ chức trong tỉnh.

d) Tham gia thẩm định và đóng góp ý kiến đối với các khoản viện trợ liên quan đến phạm vi trách nhiệm quản lý của mình.

đ) Thực hiện các nhiệm vụ có liên quan khác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

**Điều 20. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội**

1. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát công tác tuyển chọn, sử dụng, quản lý, và thực hiện các chính sách đối với người lao động Việt Nam làm việc cho các tổ chức phi chính phủ nước ngoài, các chương trình, dự án do các cơ quan, tổ chức nước ngoài tài trợ trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật hiện hành về lao động.

2. Cấp Giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại các tổ chức phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn tỉnh.

3. Thực hiện các nhiệm vụ có liên quan khác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

**Điều 21. Công an tỉnh**

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý Nhà nước trong lĩnh vực nhập cảnh, xuất cảnh, lưu trú của cá nhân, tổ chức nước ngoài đến thực hiện dự án, chương trình do cơ quan, tổ chức nước ngoài viện trợ theo quy định.

2. Tham gia thẩm định về mặt an ninh đối với hoạt động và các chương trình, dự án viện trợ của các cơ qua, tổ chức nước ngoài.

3. Hướng dẫn các cơ quan liên quan thực hiện đúng các quy định của Nhà nước trong quan hệ, tiếp xúc, làm việc với người nước ngoài; bảo vệ an ninh chính trị nội bộ, an ninh kinh tế và bảo vệ bí mật Nhà nước.

4. Tham gia giám sát việc tiếp nhận và sử dụng viện trợ, đặc biệt chú trọng tới khía cạnh tác động đến an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội của việc tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ.

5. Phối hợp Sở Ngoại vụ kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban công tác về các Tổ chức tổ phi chính phủ nước ngoài, Bộ Ngoại giao xử lý đối với các cá nhân, tổ chức phi chính phủ nước ngoài, các đối tác trong nước của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài có hoạt động vi phạm pháp luật hiện hành.

6. Thực hiện các nhiệm vụ có liên quan khác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

**Điều 22. Sở Nội vụ**

1. Chủ trì, phối hợp Sở Ngoại vụ và các đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh những vấn đề liên quan đến tôn giáo trong hoạt động phi chính phủ nước ngoài.

2. Hướng dẫn và hỗ trợ các cơ quan, tổ chức chấp hành thực hiện đường lối, chính sách tôn giáo của Nhà nước trong quá trình tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ có liên quan đến các tổ chức tôn giáo hay có yếu tố tôn giáo.

3. Hướng dẫn và hỗ trợ các cơ quan, tổ chức nước ngoài trong quá trình triển khai dự án và các đơn vị tiếp nhận và sử dụng viện trợ thực hiện đúng đường lối, chính sách tôn giáo của Nhà nước XHCN Việt Nam.

4. Tham gia thẩm định và có ý kiến đối với các dự án viện trợ liên quan đến tôn giáo.

5. Phối hợp với Sở Ngoại vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh và các đơn vị có liên quan thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét khen thưởng các tổ chức, cá nhân thực hiện xuất sắc nhiệm vụ quản lý hoạt động các tổ chức phi chính phủ nước ngoài và việc sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

6. Thực hiện các nhiệm vụ có liên quan khác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

**Điều 23. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan**

1. Thực hiện và chỉ đạo, kiểm tra các cơ quan, đơn vị trực thuộc trong việc chấp hành các quy định của Nhà nước, của tỉnh về việc mời đoàn vào, tiếp xúc, làm việc với các đoàn khách thuộc các tổ chức phi chính phủ nước ngoài; kịp thời báo cáo với các cơ quan có thẩm quyền để xin ý kiến giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình làm việc với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài.

2. Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, thông báo cho Sở Ngoại vụ và Sở Kế hoạch và Đầu tư trước khi tiếp nhận những khoản viện trợ được phân bổ cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương mình và kết quả thực hiện.

3. Phối hợp với Sở Ngoại vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, các tổ chức phi chính phủ nước ngoài trong quá trình xây dựng dự án, thực hiện, theo dõi và đánh giá các hoạt động viện trợ phi chính phủ nước ngoài của cơ quan, đơn vị.

Đối với các hoạt động viện trợ phi chính phủ nước ngoài được thực hiện thông qua các cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các tổ chức đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội và nghề nghiệp và các hội khi tiếp nhận viện trợ phải phối hợp chặt chẽ với Ủy ban nhân dân cấp huyện có các hoạt động viện trợ được triển khai (từ khâu lập kế hoạch đến theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện viện trợ).

4. Chủ động xây dựng danh mục các dự án ưu tiên kêu gọi vận động viện trợ gửi về Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh trước ngày 30 tháng 10 hàng năm.

5. Các cơ quan, đơn vị khi có phát sinh hoạt động liên quan đến viện trợ giao cho bộ phận chuyên môn có năng lực để quản lý, sử dụng. Văn bản thông báo về việc cử bộ phận đầu mối phải được gửi đến Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Ngoại vụ trong vòng 30 ngày kể từ ngày được phê duyệt khoản viện trợ.

6. Định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (đồng gửi Sở Ngoại vụ và Sở Kế hoạch và Đầu tư) về hoạt động viện trợ theo quy định.

7. Các cơ quan, tổ chức tiếp nhận viện trợ có trách nhiệm tiếp nhận, sử dụng và quản lý nguồn vốn, tài sản của bên tài trợ theo nội dung đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

**Chương VI**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 24. Chế độ thông tin báo cáo**

1. Chủ khoản viện trợ, Chủ dự án hoặc Ban Quản lý chương trình, dự án viện trợ (nếu có) có trách nhiệm báo cáo tình hình tiếp nhận viện trợ, tình hình thực hiện giải ngân khoản viện trợ 06 tháng và hàng năm cho Sở Kế hoạch và Đầu tư; báo cáo kết thúc khoản viện trợ gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư chậm nhất không quá 6 tháng sau khi kết thúc thực hiện.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách báo cáo kết quả phê duyệt các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh định kỳ 06 tháng (trước ngày 05/7 hàng năm) và báo cáo năm (trước ngày 05/12) gửi Sở Ngoại vụ để tổng hợp dự thảo báo cáo chung về công tác phi chính phủ nước ngoài trình Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua gửi các bộ, ngành, Trung ương liên quan.

3. Sở Tài chính có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (đồng thời gửi Sở Ngoại vụ, sở Kế hoạch và đầu tư) tình hình tiếp nhận, giải ngân các khoản viện trợ hàng năm trước ngày 05/12.

4. Liên hiệp các tổ chức hữu nghị có trách nhiệm báo cáo kết quả tình hình vận động, thu hút viện trợ 06 tháng (trước ngày 01/7 hàng năm) và báo cáo năm (trước ngày 05/12) gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh (đồng gửi Sở Ngoại vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư) để tổng hợp báo cáo Ủy ban công tác về các tổ chức PCPNN, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam.

5. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội có trách nhiệm báo tình hình cấp phép, quản lý lao động cho người nước ngoài làm việc tại các Tổ chức phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn tỉnh định kỳ 06 tháng (trước ngày 01/7 hàng năm) và báo cáo năm (trước ngày 05/12) gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh (đồng gửi Sở Ngoại vụ) để tổng hợp báo cáo Ủy ban công tác về các tổ chức phi chính phủ nước ngoài.

6. Công an tỉnh có trách nhiệm báo cáo các vấn đề liên quan đến an ninh, chính trị, xuất nhập cảnh, lưu trú... của tổ chức phi chính phủ nước ngoài, các cơ quan, tổ chức nước ngoài viện trợ chương trình, dự án trên địa bàn tỉnh định kỳ 06 tháng (trước ngày 01/7 hàng năm) và báo cáo năm (trước ngày 05/12) gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh (đồng gửi Sở Ngoại vụ) để tổng hợp báo cáo Ủy ban công tác về các tổ chức phi chính phủ nước ngoài.

7. Sở Ngoại vụ có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp báo cáo tình hình hoạt động của các Tổ chức phi chính phủ nước ngoài định kỳ 06 tháng (chậm nhất 18/7 hàng năm) và báo cáo năm (chậm nhất 18/12) hoặc khi có yêu cầu gửi Ủy ban công tác về tổ chức phi chính phủ nước ngoài theo Mẫu số 04 quy định tại Nghị định số 58/2022/NĐ-CP ngày 31/8/2022 về về đăng ký và quản lý hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam.

**Điều 25. Khen thưởng**

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc vận động, tiếp nhận, sử dụng và quản lý viện trợ được khen thưởng theo quy định của pháp luật hiện hành về thi đua và khen thưởng.

**Điều 26. Xử lý vi phạm**

1. Các tổ chức chính phủ nước ngoài có hoạt động không phù hợp với Giấy đăng ký đã được cấp hoặc vi phạm các nội dung quy định tại Quy định này, tùy tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị cảnh cáo hoặc kiến nghị Ủy ban công tác tổ chức chính phủ nước ngoài đình chỉ một phần hoặc thu hồi Giấy đăng ký. Mọi hành vi vi phạm pháp luật Việt Nam của tổ chức chính phủ nước ngoài và nhân viên của tổ chức chính phủ nước ngoài tại Việt Nam sẽ bị xử lý theo pháp luật Việt Nam.

2. Mọi hành vi vi phạm trong việc quan hệ, vận động, đàm phán, phê duyệt, ký kết, tiếp nhận, sử dụng và quản lý các khoản viện trợ tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Đối với các trường hợp vi phạm chế độ báo cáo: Sở Ngoại vụ ghi nhận các trường hợp vi phạm chế độ báo cáo, thông báo đến Sở Nội vụ để thực hiện đánh giá công vụ đối với đơn vị theo quy định.

**Điều 31. Sửa đổi, bổ sung quy định**

Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này, nếu phát sinh khó khăn vướng mắc, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các đơn vị và các Chủ khoản viện trợ gửi ý kiến bằng văn bản tới Sở Ngoại vụ tổng hợp, đề xuất báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.